

Bản án số: 148/2022/DS-ST

Ngày 24-6-2022

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Quang Minh**

2. Ông **Lê Thanh Hiện**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** – Là Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà **Trần Hồng Cẩm** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dư Thị T, sinh năm 1966; Trú tại: Ấp 10C, xã T, huyện T, tỉnh C (có mặt).

- Bị đơn: 1. Ông Dư Văn C, sinh năm 1957 (vắng mặt)

2. Anh Dư Văn T1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp 10C, xã T, huyện T, tỉnh C

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1966 (có mặt)

Trú tại: Ấp 10C, xã T, huyện T, tỉnh C

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1958 (chết)

Trú tại: Ấp 10C, xã T, huyện T, tỉnh C

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N.

2.1 Ông Dư Văn C, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp 10C, xã T, huyện T, tỉnh C

2.2 Anh Dư Văn T1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp 10C, xã T, huyện T, tỉnh C

2.3 Chị Dư Thị T2, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp 10C, xã T, huyện T, tỉnh C

2.4 Chị Dư Tố N1, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Trú tại: Xã L, T1 phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2021 và quá trình giải quyết bà Dư Thị T trình bày:

Ngày 30/02/2019 ông C, anh T1 có hỏi vợ chồng bà 02 lượng vàng 24k, thời hạn trả 12 tháng, lãi suất thỏa thuận 5.000.000 đồng/01 năm, đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 468963 do ông Dư Văn C đứng tên để thế chấp khoản vay này. Vợ chồng bà không có quản lý đất chỉ giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C thế chấp. Thời điểm đưa vàng có mặt ông C, bà N, anh T1; bà N là người viết biên nhận ông C, anh T1 ký tên vào biên nhận và nhận vàng, tại thời điểm đưa vàng cũng như làm biên nhận vàng chỉ có vợ chồng bà và bà N, ông C, anh T1.

Từ khi vay đến nay thì phía ông C, anh T1 không đóng lãi cũng như thanh toán vàng gốc cho vợ chồng bà. Nay bà yêu cầu phía ông C, anh T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng bà số vàng vay 02 lượng (20 chỉ) vàng 24k.

Bị đơn ông Dư Văn C trình bày:

Ông C xác định ông có ký vào biên nhận vàng ngày 30/02/2019 là do bà N là vợ ông viết kêu ông ký, ông không có nhận vàng của bà T như biên nhận, bà T hiện tại giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên không có quản lý đất, ông C, hiện tại vợ ông và con ông (T1) còn thiếu bà T bao nhiêu thì không nắm rõ và không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

Tại phiên tòa:

Bà Dư Thị T trình bày: Yêu cầu ông Dư Văn C, anh Dư Văn T1 phải có trách nhiệm trả cho bà số vàng vay 20 chỉ vàng 24k, vợ chồng bà tự nguyện trả lại ông C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 468963 đã thế chấp vợ chồng bà.

Ông Dư Văn S trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của vợ ông bà T, không có ý kiến khác.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dư Thị T. Buộc ông Dư Văn C, anh Dư Văn T1 trả cho bà Dư Thị T số vàng vay 20 chỉ vàng 24k.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dư Thị T trả lại cho ông Dư Văn C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 468963 do ông Dư Văn C đứng tên quyền sử dụng đất.

Án phí đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt ông Dư Văn C, anh Dư Văn T1, chị Dư Thị T2 và chị Dư Tố N1. Xét thấy ông C, anh T1 và chị T2, chị N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông C, anh T1, chị T2, chị N1 đúng quy định.

- Về nội dung:

[3] Về nội dung vụ án: Bà Dư Thị T cho rằng ngày 30/02/2019, ông Dư Văn C và anh Dư Văn T1 có vay của bà T số vàng 20 chỉ vàng 24k, việc vay vàng giữa các đương sự có lập văn bản “Biên nhận” viết tay ông Dư Văn C và anh Dư Văn T1 ký tên (bút lục Tòa án số 03). Hai bên thỏa thuận, thời hạn vay 12 tháng phía ông C và anh T1 thế chấp cho bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 468963 do ông C đứng tên quyền sử dụng đất ngày 04/3/1994 lãi suất thỏa thuận 5.000.000 đồng/01 năm. Đến hạn trả nhưng ông C, anh T1 không trả lãi cũng như số vàng vay, bà T khởi kiện yêu cầu ông C, anh T1 trả số vàng vay 20 chỉ vàng 24k. Ông C xác định ông có ký vào biên nhận vàng ngày 30/02/2019 là do bà N là vợ ông viết kêu ông ký, ông không có nhận vàng của bà T như biên nhận, bà T hiện tại giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên không có quản lý đất, ông C không đồng ý thanh toán số vàng vay theo yêu cầu của bà T. Từ đó, các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T thì thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà T có xuất trình chứng cứ là “*Biên nhận*” viết tay, có ông Dư Văn C, anh Dư Văn T1 ký tên vào ngày 30/02/2019” và được bị đơn ông C thừa nhận là có ký tên vào biên nhận vàng, nhưng ông xác định không có nhận vàng, vợ ông là bà N và con ông là T1 có nói là còn thiếu bà T 20 chỉ vàng 24k nên bà N viết biên

nhận và kêu ông ký tên vào biên nhận và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên. Đối với anh T1 Tòa án đã triệu tập nhiều lần đến Tòa án và đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, đều đó chứng minh việc phía nguyên đơn cho rằng ông C, anh T1 vay vàng và chưa thực nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn là có căn cứ. Đối với ông C cho rằng không có nhận vàng từ bà T nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh đối với lời trình bày của mình. Do đó lời trình bày của ông C là không có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định bị đơn ông Dư Văn C, anh Dư Văn T1 có vay vàng của nguyên đơn bà Dư Thị T số vàng 20 chỉ vàng 24k, đến thời hạn thỏa thuận chưa trả vàng cho nguyên đơn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Dư Văn C, anh Dư Văn T1 trả số vàng vay 20 chỉ vàng 24k là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông C, anh T1 trả cho bà T 20 chỉ vàng 24k là phù hợp Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự.

[4] Ông C, anh T1 vay vàng của bà T có viết biên nhận vàng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C đứng tên. Xét hợp đồng thế chấp giữa bà T với ông C, anh T1 tại biên nhận vàng ngày 30/02/2019 thấy rằng, không được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai, nên việc thế chấp giữa các bên không có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 319 Bộ luật dân sự. Đó đó một phần Biên nhận ngày 30/02/2019 vô hiệu phần thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 468963 do ông Dư Văn C đứng tên quyền sử dụng đất. Phía bà T chỉ giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C đứng tên quyền sử dụng đất không có quản lý sử dụng phần đất của ông C nên không buộc bà T giao trả đất cho ông C. Tại phiên Tòa bà T tự nguyện trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C nên Hội đồng ghi nhận sự tự nguyện của bà T.

[5] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhận định phù hợp với Hội đồng xét xử nên có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T nên cần buộc ông C, anh T1 phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền: 5.340.000 đồng ((20 chỉ vàng 24k x = 5.340.000 đồng) x 5% = 5.340.000 đồng). Bà T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí số tiền: 2.670.000 đồng tại biên lai thu số 0004901 ngày 26/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 188 Luật đất đai; Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Dư Văn C, anh Dư Văn T1 có trách nhiệm trả cho bà Dư Thị T với số vàng vay 20 chỉ vàng 24k (bằng chữ: Hai mươi chỉ vàng 24 kara).

Tuyên bố một phần Biên nhận ngày 30/02/2019 vô hiệu phần thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 468963 do ông Dư Văn C đứng tên quyền sử dụng đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dư Thị T trả lại cho ông Dư Văn C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 468963 do ông Dư Văn C đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Về án phí: Ông Dư Văn C, anh Dư Văn T1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền: 5.340.000 đồng (bằng chữ: Năm triệu ba trăm bốn chục ngàn đồng - Chưa nộp);

Bà Dư Thị T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số tiền: 2.670.000 đồng theo biên lai thu số 0004901 ngày 26/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Án sơ thẩm xét xử công khai: Bà Dư Thị T, ông Phạm Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Dư Văn C, anh Dư Văn T1, chị Dư Thị T2, chị Dư Tố N1 được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo luật định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Len

